

Số: 57 /2024/QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5369/TTr-STC ngày 29/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp được giao quản lý tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp).

2. Các quy định khác về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BTC) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thực hiện theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý tài sản cố định căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật để phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định tại các phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này và Thông tư số 23/2023/TT-BTC thực hiện việc ghi sổ kế toán, kiểm kê, báo cáo kê khai tài sản để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo đúng quy định.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tài sản cố định vô hình có thay đổi nguyên giá, đã xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định tại Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An thì từ năm tài chính 2024 căn cứ nguyên giá đã xác định lại và đã thực hiện kế toán, căn cứ tỷ lệ hao mòn tài sản cố định theo quy định tại Quyết định này để xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản cố định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 /11/2024 và thay thế Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở, ngành và đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 6;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng: VHXX, KTTC;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Quoc.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Minh Lâm



Phụ lục 1

DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(theo Quyết định số 57 /2024/QĐ-UBND

ngày 13 /11/2024 của UBND tỉnh Long An)

STT	DANH MỤC
A	Danh mục các di tích lịch sử văn hóa
I	Di tích lịch sử cấp quốc gia
1	Nhà Trăm Cột, xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước
2	Ngã tư Rạch Kiến, xã Long Hào, huyện Cần Đước
3	Chùa Phước Lâm, xã Tân Lâm, huyện Cần Đước
4	Khu vực Ngã tư Đức Hòa, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hoà
5	Phế tích kiến trúc Gò Xoài, Gò Đồn, Gò Năm Tước, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hoà
6	Lăng mộ và Đền thờ Nguyễn Huỳnh Đức, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An
7	Vàm Nhựt Tảo, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ
8	Chùa Tôn Thanh, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc
9	Đình Vĩnh Phong, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa
10	Các địa điểm thuộc Căn cứ Bình Thành, xã Bình Hoà Hưng, huyện Đức Huệ
11	Rạch Núi, xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc
12	Khu lưu niệm Nguyễn Thông, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành
13	Gò Ô Chùa, xã Hưng Điền A, huyện Vĩnh Hưng
14	Nhà và Lò gạch Võ Công Tôn, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức
15	Căn cứ Xứ ủy và Ủy ban hành chính kháng chiến Nam Bộ (1946-1949), xã Nhơn Hoà Lập, huyện Tân Thạnh
16	Cụm nhà cổ Thanh Phú Long, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành
17	Địa điểm An Sơn, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà
18	Địa điểm thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Chợ Lớn (khu nhà ông Bộ Thỏ), Xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hoà
19	Đình Tân Xuân, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành
20	Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ (gồm: ngôi nhà ở thời niên thiếu và nhà tưởng niệm), thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức

21	Khu vực Đồn Long Khốt, xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng
II	<i>Di tích lịch sử cấp tỉnh</i>
1	Mộ và Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Văn Tiến, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước
2	Khu vực Xóm Chùa, xã Tân Lâm, huyện Cần Đước
3	Khu vực Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện Cần Đước
4	Khu vực ngã ba Tân Chánh, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước
5	Nền nhà hội Phước Vân, xã Phước Vân, huyện Cần Đước
6	Xóm Trường, xã Long Sơn, huyện Cần Đước
7	Đình Tân Chánh và lăng mộ Nguyễn Khắc Tuấn, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước
8	Khu vực Quéo Ba, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ
9	Khu vực Sân vận động Quéo Ba, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ
10	Khu vực Bến phà Đức Huệ, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ
11	Khu Hội đồng Sầm, xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ
12	Giồng Dinh, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ
13	Miếu ông Lê Công Trình, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ
14	Miếu ông Giồng Lớn, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ
15	Địa điểm thành lập Khu 7, Khu 8, Khu 9, xã Bình Hoà Nam, huyện Đức Huệ
16	Địa điểm thực dân Pháp thăm sát nhân dân kinh Lò Đường ngày 28/01/1947 (mùng 7 tháng Giêng năm Đinh Hợi), xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ
17	Đồn Rạch Cát, xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước
18	Khu vực ngã ba Tân Lâm, xã Tân Lâm, huyện Cần Đước
19	Địa điểm thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện Cần Giuộc, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc
20	Khu vực Cầu Kinh, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc
21	Khu vực Ngã Ba Mũi Tàu, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc
22	Khu vực Rạch Bà Kiểu, xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc
23	Khu vực Sân banh Cần Giuộc, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc
24	Đám lá tối trời, xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ
25	Khu vực chợ Mỹ Bình, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ

26	Miếu ông Bàn Quý, xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ
27	Khu vực tượng đài Bến Lức, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức
28	Khu vực Xóm Nghè, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức
29	Nhà Long Hiệp - Địa điểm thành lập Tỉnh ủy đầu tiên của tỉnh Chợ Lớn tháng 11/1930, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức
30	Rừng Tràm Bà Vụ, xã Tân Hoà, huyện Bến Lức
31	Đồn Ông Tồn, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường
32	Khu vực Gò Bắc Chiêng, phường 1, thị xã Kiến Tường
33	Núi đất, phường 1, thị xã Kiến Tường
34	Vùng Bắc Chan, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường
35	Khu vực Miếu Bà Cố, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành
36	Cù tròn, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành
37	Đông 41, xã Tân Hoà, huyện Tân Thạnh
38	Gò Giồng Dung, Xã Hậu Thạnh Tây, Huyện Tân Thạnh
39	Khu vực Kinh Bù, Xã Tân Ninh, Huyện Tân Thạnh
40	Chùa Thới Bình, Xã Phước Lại, Huyện Cần Giuộc
41	Đình Chánh Tân Kim, Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc
42	Khu lưu niệm Nguyễn Thái Bình, Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc
43	Miếu Bà Ngũ Hành, Xã Long Thượng, Huyện Cần Giuộc
44	Gò Gòn, Xã Hưng Thạnh, Huyện Tân Hưng
45	Khu vực kinh Nguyễn Văn Trỗi, Xã Hưng Điền B, Huyện Tân Hưng
46	Gò Ông Lệt, Xã Vĩnh Thuận, Huyện Vĩnh Hưng
47	Sông Vàm Cỏ Tây-Đoạn Tuyên Bình, Xã Tuyên Bình Tây, Huyện Vĩnh Hưng
48	Nhà Tổng Thận, Phường 1, thành phố Tân An
49	Nhà Thuốc Minh Xuân Đường, Phường 1, thành phố Tân An
50	Chùa Linh Nguyên, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa
51	Đình Mỹ Hạnh, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa
52	Đồn Đức Lập, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hòa
53	Giồng Cám, Xã Đức Hòa Thượng, Huyện Đức Hòa
54	Khu vực Bà Tràm, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa
55	Khu vực Bót Cũ, Xã Hòa Khánh Nam, Huyện Đức Hòa

56	Mộ và Miếu thờ Nguyễn Văn Quá, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa
57	Trung tâm Huấn luyện Biệt kích Hiệp Hòa, Thị trấn Hiệp Hòa, Huyện Đức Hòa
58	Đình Muong Trám, Xã Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức
59	Căn cứ Phân Khu Ủy và Bộ tư lệnh Phân khu III, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành
60	Chùa Thạnh Hoà, xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc
61	Gò Chùa Nổi, xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng
62	Đình Vĩnh Bình, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành
63	Địa điểm đế quốc Mỹ thảm sát nhân dân Vàm Rạch Gốc ngày 27 tháng 11 năm Mậu Thân (15-01-1969), xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ
64	Đình Phú Khương, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa
65	Đình Xuân Sanh, phường 6, thành phố Tân An
66	Đình Phước Lý, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc
67	Đình Hoà Điều, xã Hoà Phú, huyện Châu Thành
68	Khu vực Cầu Tre, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc
69	Cổ Miếu Tân Hoà, xã Tân Hoà, huyện Tân Thạnh
70	Đình Khánh Hậu, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An
71	Chùa Kim Cang, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa
72	Khu tưởng niệm cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 9 và Thanh niên xung phong hy sinh trong chiến dịch Mậu Thân 1968, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà
73	Khu lưu niệm Giáo sư Trần Văn Giàu, xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành
74	Cụm di tích Chùa Ông và Đình thần Nhựt Tảo, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ
75	Căn cứ liên quận 5, 6, 7, 8 và Ban Hoa vận, Ban Công vận thuộc Khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định, giai đoạn 1961-1964, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà
76	Khu tưởng niệm liệt sỹ Trung đoàn 207, xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hoá
77	Lò Gạch, xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng
78	Nhà Vương, xã Bình Tâm, thành phố Tân An

79	Căn cứ Tỉnh ủy Kiến Tường trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1957-1975), xã Bình Thạnh, huyện Mộc Hoá
80	Khu vực Cống Bần, xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ
81	Mộ Đỗ Tường Phong, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành
82	Miếu Hai Bà Trưng, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc
83	Đình Rừng Muối, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hoà
84	Sở Chí Thiện, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh
85	Nhà ông Nguyễn Văn Huệ, cơ sở hoạt động cách mạng Mỹ An Phú, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa
86	Đình Bình Đức, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc
87	Địa điểm thành lập Cơ quan Chính trị Quân Khu 8, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh
88	Đình Tân Phước Tây, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ
89	Khu tưởng niệm liệt sỹ Trung đoàn 88 hy sinh trong trận chống càn tại khu vực Kinh Ngang và Kinh 62 (từ ngày 06/02 đến ngày 07/02/1970), xã Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng
90	Gò Duối, xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng
91	Miếu Quan Thánh Đế, phường 1, thành phố Tân An
92	Đình Đức Hoà, thị trấn Đức Hoà, huyện Đức Hoà
93	Khu lưu niệm truyền thống Tiểu đoàn 261-Giron, xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hoá
94	Chùa Ông, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ
95	Đồn Cò - Mi - Đọt, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức
96	Khu vực Cầu Nam Bộ, xã Bình Đức, huyện Bến Lức
97	Xóm Trầu, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức
98	Di chỉ khảo cổ học Gò Chùa, xã Thạnh Trị, thị xã Kiến Tường
99	Đình Vạn Phước, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước
100	Khu tưởng niệm cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn 263 hy sinh trong trận Cầu Ván ngày 03/5/1968, xã An Lục Long, huyện Châu Thành
101	Đình Bình Lập, phường 3, thành phố Tân An
102	Khu lưu niệm truyền thống Trung đoàn 271, Xã An Ninh Đông và Xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà
103	Miếu Ông Bình Hòa Bắc, xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ

104	Khu tưởng niệm 42 liệt sỹ Tiểu đoàn Đồng Nai, phường 7, thành phố Tân An
105	Khu lưu niệm nhạc sĩ Cao Văn Lầu, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành
B	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích
I	Bảo vật quốc gia
1	Tượng thần Vishnu (01 hiện vật)
2	Bộ sưu tập hiện vật vàng Gò Xoài (01 bộ gồm 24 hiện vật)
II	Cổ vật, hiện vật trong Bảo tàng, di tích
1	Nhóm hiện vật kim loại (560 hiện vật)
2	Nhóm hiện vật nhựa (26 hiện vật)
3	Nhóm hiện vật thủy tinh (19 hiện vật)
4	Nhóm hiện vật gỗ, tre (224 hiện vật)
5	Nhóm hiện vật vải (89 hiện vật)
6	Nhóm hiện vật giấy (364 hiện vật)
7	Nhóm hiện vật chất liệu xương (297 hiện vật)
8	Nhóm hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ (3.407 hiện vật)
9	Nhóm hiện vật chất liệu đá (1.152 hiện vật)
10	Nhóm hiện vật chất liệu khác (8.250 hiện vật)

**DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**
(kèm theo Quyết định số 57 /2024/QĐ-UBND
ngày 13 /11/2024 của UBND tỉnh Long An)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	25	4
2	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
3	Tác phẩm âm nhạc	25	4
4	Tác phẩm báo chí	25	4
5	Tác phẩm kiến trúc	25	4
6	Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
2	Bản quyền phần mềm máy tính	20	5
3	Giải pháp hữu ích	10	10
4	Nhãn hiệu	10	10
5	Quyền sở hữu công nghiệp khác	20	5
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ đối với giống cây thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ đối với giống cây trồng khác	20	5
3	Bản quyền giống lúa	10	10
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm dịch vụ công, công thông tin điện tử	5	20
4	Phần mềm quản lý bệnh viện, trường học	5	20
5	Phần mềm quản lý tài sản	5	20
6	Phần mềm quản lý văn bản	5	20
7	Phần mềm ứng dụng khác	5	20